

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2802 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 28 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và tài sản bị thiệt hại của 19 hộ gia đình, cá nhân do GPMB dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (Đợt 10).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 877/TTr-STNMT ngày 21/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và tài sản bị thiệt hại của 19 hộ gia đình, cá nhân do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%) là **36.974.947.000 đồng** (*Ba mươi sáu tỷ, chín trăm bảy mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn đồng*). Trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 36.190.948.000 đồng;
- Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB: 59.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 724.999.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
DỰ ÁN: XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 1D ĐẾN QUỐC LỘ 19 (MỚI)**

Địa điểm: phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng.

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m ²)	Trong đó			Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ		Giá trị BT, HT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT	Giao đất tái định cư
			Số thửa	Mảnh trích đo số	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m ²)			Đất ở (m ²)	Đất nông nghiệp (m ²)	DT không bồi thường (m ²)		Các khoản BT, HT khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB				
I	Có Giấy CNQSD đất ở					194,50		123,30	116,70	0,00	6,60	3.885.000.000	90.500.000	24.000.000	2.076.880.443	2.774.000	6.079.154.443	0
1	Võ Thị Bé	302 Hùng Vương, P. Nhơn Bình	174	TD3	79	98,10	ODT	25,80	25,80			903.000.000	17.000.000	7.000.000	1.150.279.360		2.077.279.360	
2	Trần Minh Phùng	Tổ 9, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	146	TD3	79	51,60	ODT	51,60	45,00		6,60	472.500.000	29.500.000	5.000.000	196.926.858		703.926.858	TĐC
3	Nguyễn Khải Định, bà Đinh Thị Thu Hằng	330 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	163	TD3	79	63,70	ODT	63,70	63,70			2.229.500.000	27.000.000	6.000.000	492.839.430	1.387.000	2.756.726.430	TĐC
4	Lê Thị Tường Vân	368 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	122	TD3	79	79,20	ODT	8,00	8,00			280.000.000	17.000.000	6.000.000	236.834.795	1.387.000	541.221.795	
II	Chưa được cấp GCN QSD đất (Hộ tạo lập):					998,00	0,0	753,80	639,01	102,51	12,28	22.387.079.600	133.000.000,0	35.000.000,0	5.698.621.264,6	17.312.500,0	28.271.013.365	
5	Nguyễn Thọ (chết), vợ Nguyễn Thị Cường	332 + 334 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	161+162	TD3	77	132,40	ODT	132,40	120,12		12,28	3.975.517.650	29.000.000	7.000.000	809.168.408	4.022.000	4.824.708.058	TĐC

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m²)	Trong đó			Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ		Giá trị BT, HT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT	Giao đất tái định cư
			Số thửa	Mảnh trích đo số	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m²)			Đất ở (m²)	Đất nông nghiệp (m²)	DT không bồi thường (m²)		Các khoản BT, HT khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB				
6	Nguyễn Thực	336 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	160	TD3	77	69,80	ODT	69,80	69,80			2.310.070.450	29.000.000	7.000.000	735.288.350	3.045.000	3.084.403.800	TĐC
7	Trần Thị Thao (chết), con Lê Văn Nghiệp + Lê Văn Cường ĐDKK	324+ 326 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	165+166	TD3	79	175,30	ODT	175,30	175,30			5.466.318.500	29.000.000	7.000.000	1.580.678.169		7.082.996.669	TĐC
8	Lê Thái (chết), con Lê Tấn Thêm ĐDKK	Tổ 8, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	167	TD3	79	87,80	ODT	87,80	87,80			2.856.589.000	29.000.000	7.000.000	659.718.580	400.000	3.552.707.580	TĐC
9	Nguyễn Hậu (chết), con Nguyễn Ngọc Thường ĐDKK	Tổ 8, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	168+ 144+ 145	TD3	79	532,70	ODT	288,5	185,99	102,51		7.778.584.000	17.000.000	7.000.000	1.913.767.758	9.845.500	9.726.197.258	TĐC
III	Đối với 10 hộ xây dựng trên đất lúa đã được UBND thành phố cấp GCN					1644,90		1541,10			1541,10	0		0	1.769.226.812	130.553.300	1.899.780.112	
10	Phạm Phần (chết), vợ Phạm Thị Lệ Hường	Khu vực 2, phường Nhơn Bình	65+66+ 67+68+ 70+71+ 72+73+ 69+64	TD3	77	1644,90	LUC	1541,10			1541,10	0	0	0	245.304.818		245.304.818	
11	Đỗ Văn Xuân	Khu vực 2, phường Nhơn Bình													0	6.478.500	6.478.500	
12	Phạm Nguyên Khang	Khu vực 2, phường Nhơn Bình													0	5.670.000	5.670.000	
13	Nguyễn Lịch	Khu vực 2, phường Nhơn Bình													140.890.128	315.000	141.205.128	

[illegible]